

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/DS-ST

Ngày: 11/01/2019

V/v: *Tranh chấp hợp đồng*

vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đ.T.H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông N.T.

2. Ông P.V.H.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Q.T - Thư ký Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tào Minh Q - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 618/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6244/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà **Huỳnh Bá Thị L**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 211 H.V, Phường C, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông **Le An H (Lê An H)**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 6505 S 27ST Ohama, NE 68107, Mỹ (USA).

Địa chỉ liên lạc: Số 211 đường H.V, Phường C, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Trần Thị Như Q**, sinh năm 1996

Địa chỉ: Số 49/10 đường N.H, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà Huỳnh Bá Thị L: Ông Phạm Tuấn A, Luật sư Công ty luật TNHH Một Thành Viên B.

Địa chỉ: Số 42/6 đường Nguyễn Giản T, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn: Bà **Phạm Thị Kim O**, sinh năm 1960.*

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: 491A/70 (số cũ 491/70KL) L.V.S, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, đại diện theo ủy quyền và luật sư bên nguyên đơn có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18/07/2018, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn bà Huỳnh Bá Thị L, ông Le An H (Lê An H) và người đại diện theo ủy quyền của bà L, ông H - bà Trần Thị Như Q trình bày:

Do quan hệ quen biết vợ chồng bà L, ông H có cho bà Phạm Thị Kim O vay 1.700.000.000 đồng với lãi suất 1,5%/tháng và sẽ trả lãi vào ngày 30 dương lịch mỗi tháng, thời hạn vay là 03 năm kể từ ngày 30/5/2012, đúng hạn 03 năm sẽ trả nợ gốc. Việc vay và thỏa thuận trả này đã được hai bên lập “Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm” tại Văn phòng Công chứng F Thành phố Hồ Chí Minh.

Khi đến thời hạn trả nợ gốc vào ngày 30/05/2015, bà O vẫn chưa trả hết số tiền nợ gốc nên hai bên đã thỏa thuận vào ngày 05/8/2015, bà O đã viết “*Tờ cam kết*” có nội dung giao ½ căn nhà số 491A/70 (số nhà cũ 491/23A) L.V.S, Phường H, Quận B cho bà L để cầm trừ vào số nợ. Sau khi thỏa thuận cầm trừ hai bên chốt lại số tiền nợ gốc bà O còn nợ bà L, ông H là 300.000.000 đồng, bà O cam kết bắt đầu trả từ tháng 01/2016 mỗi tháng từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 300.000.000 đồng và không phải trả lãi. Theo “*Tờ cam kết*” khi nào trả hết 300.000.000 đồng bà L trả lại hợp đồng vay mượn tại phòng công chứng.

Tuy nhiên, từ khi thỏa thuận và viết “*Tờ cam kết*” đến nay bà O chỉ mới thực hiện bàn giao ½ căn nhà số 491A/70 (số nhà cũ 491/23A) L.V.S, Phường H, Quận B. Số tiền nợ còn lại là 300.000.000 đồng bà O không trả theo như cam kết. Vì vậy, bà L, ông H khởi kiện yêu cầu bà O trả số tiền nợ gốc còn lại là 300.000.000 đồng. Lãi suất chậm trả yêu cầu tính từ tháng 01/2016 đến thời

điểm Tòa án thụ lý tháng 7/2018, tổng cộng 31 tháng với lãi suất 0,75%/tháng thì số tiền lãi yêu cầu bà O phải trả làm tròn là 69.000.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc, lãi yêu cầu bà O phải trả cho bà L và ông H là 369.000.000 đồng và trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực.

Về lời khai, trình bày của bị đơn bà Phạm Thị Kim O:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 618/TB-TLVA ngày 07/8/2018, trong đó nêu rõ bà Huỳnh Bá Thị L, ông Le An H khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Kim O phải trả số tiền vay còn thiếu là 300.000.000 đồng và khoản lãi suất chậm trả (10%/năm) tính từ 01/01/2016 đến ngày 01/7/2018 là 77.190.000 đồng. Tổng cộng 377.190.000 đồng, các chứng cứ nguyên đơn đã nộp Bản sao Tờ cam kết lập ngày 05/8/2015; Bản sao được chứng thực hợp pháp Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm số công chứng 020207 ngày 30/5/2012; Bản sao sổ hộ khẩu của bà O... Quá trình giải quyết vụ án do không thể tổng đạt trực tiếp cho bà O theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự (*viết tắt BLTTDS*), Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai hợp lệ theo quy định tại Điều 179 BLTTDS: Thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 8243/TB-TA ngày 10/10/2018; Giấy triệu tập đương sự tham gia phiên họp và hòa giải lúc 08 giờ 00 phút ngày 02/11/2018; Thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 9133/TB-TA ngày 05/11/2018; Giấy triệu tập đương sự tham gia phiên họp và hòa giải lúc 13 giờ 30 phút ngày 29/11/2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đương sự đến tham gia phiên tòa ngày 20/12/2018 và ngày 11/01/2019. Tuy nhiên bà O đều vắng mặt không lý do, nên không tiến hành hòa giải được. Bà O cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện cũng như các chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho cho nguyên đơn:

Các chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện bà O còn nợ 300.000.000 đồng và không trả theo thỏa thuận với bà L, ông H từ tháng 01/2016 đến nay là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà O, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự 2015. Nguyên đơn và người đại diện đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án; bị đơn không chấp hành không đến Tòa mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ.

- Về nội dung: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí và chi phí tố tụng dân sự giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Bà Huỳnh Bá Thị L, ông Le An H (Lê An H) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị Kim O phải trả số nợ gốc còn lại và lãi chậm trả theo “*Tờ cam kết*” ngày 05/8/2015. Xác định đây là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và do ông Le An H là đương sự ở nước ngoài, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Về sự vắng mặt của bị đơn bà Phạm Thị Kim O:* Bà O đăng ký Hộ khẩu thường trú tại số nhà 491/70KL - số mới hiện nay 491A/70 và vẫn thuộc đường L.V.S, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn và phù hợp với kết quả trả lời xác minh ngày của Công an phường 12, Quận B “*Bà Phạm Thị Kim O, sinh năm 1960, hiện có đăng ký thường trú tại 491/70KL L.V.S, Phường H, Quận B (số mới là 491A/70 L.V.S, Phường H, Quận B). Bản thân bà O thực tế có cư trú tại địa phương*”. Bà O đã được cấp, tổng đạt, thông báo triệu tập, niêm yết hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS) tại địa chỉ trên nhưng vẫn không đến Tòa. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, bà O đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không phải vì lý do bất khả kháng, hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà O.

[2] Về pháp luật nội dung:

Giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực nên căn cứ vào Điểm c Khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân

sự 2015, Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ Luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu của bên nguyên đơn:

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Như Q và ông Phạm Tuấn A là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Huỳnh Bá Thị L đều thống nhất trình bày và giữ nguyên yêu cầu kể trên, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là “Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm” được công chứng ngày 30/5/2012; “Tờ cam kết” ngày 05/8/2015 theo bên nguyên đơn do chính bà O viết đã thể hiện số tiền nợ gốc còn lại là 300.000.000 đồng, bà O cam kết từ ngày 01/01/2016 cho bà L, ông H nhưng đến nay vẫn chưa trả nên phải chịu lãi chậm trả.

Xét bị đơn bà Phạm Thị Kim O đã được thông báo hợp lệ yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng không cung cấp chứng cứ, không có ý kiến phản bác cũng như yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Căn cứ khoản 1, 2 và theo khoản 4 Điều 91 BLTTDS thì *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và đã hết thời hạn trả nợ vay, nhưng bị đơn bà O không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự 2005.

Xét yêu cầu lãi chậm trả: Thỏa thuận giữa hai bên đối với số nợ gốc 300.000.000 đồng không tính lãi, nhưng bà O đã không trả theo cam kết từ tháng 01/2016 đến nay là đã vi phạm nghĩa vụ chậm trả, nên yêu cầu lãi chậm trả 0,75%/tháng tương ứng 31 tháng là 69.000.000 đồng của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, vì phù hợp quy định tại Điều 474, 476 Bộ luật dân sự 2005.

Từ các căn cứ đã phân tích chấp nhận quan điểm của Luật sư và Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Phạm Thị Kim O phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 18.450.000 đồng tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn 369.000.000 đồng (300.000.000 đồng gốc + 69.000.000 đồng lãi chậm trả x 5%). Hoàn trả lại tiền

tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/BTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điều 147 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; Điểm c Khoản 1 Điều 37; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 4 Điều 91; Khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 147; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/BTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Bá Thị L, ông Le An H (Lê An H):

Buộc bị đơn bà Phạm Thị Kim O có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Bá Thị L, ông Le An H (Lê An H) số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và 69.000.000 đồng tiền lãi chậm trả, tổng cộng là 369.000.000 (*Ba trăm sáu mươi chín triệu*) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

2/ Về án phí: Bà Phạm Thị Kim O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.450.000 (*Mười tám triệu bốn trăm năm mươi ngàn*) đồng.

Hoàn lại cho bà Huỳnh Bá Thị L, ông Le An H (Lê An H) số tiền tạm ứng án phí 9.430.000 đồng (chín triệu bốn trăm ba mươi ngàn) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0049248 ngày 02/8/2018 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (do bà Trần Thị Như Q nộp thay).

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự bà Huỳnh Bá Thị L, bà Phạm Thị Kim O được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, ông Le An H

(Lê An H) là 01 tháng kể từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đ.T.H